

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-02-2023

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Khiêm;

2. Bà Vi Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Choi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02A/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Tuấn A, sinh năm 1992; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Xóm H, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

- Bị đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1990; đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Khu 5B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 22/8/2022, các lời khai sau đó và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Đoàn Tuấn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T được tự do tìm hiểu nhau trong khoảng hơn 01 (một) năm. Anh chị tự nguyện tiến tới hôn nhân và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo phong tục địa phương. Anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T đăng ký kết hôn vào ngày 17/10/2016 tại Ủy ban nhân

dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 02 (hai) tháng thì sống xa nhau vì mỗi người đi làm một nơi. Vợ chồng ngày ít quan tâm tới nhau, bất đồng quan điểm sống nên tình cảm lạnh nhạt dần. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng sống ly thân, anh Đoàn Tuấn A sống cùng bố mẹ đẻ tại xóm Làng Hỏa, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên còn chị Vi Thị T về nhà bố mẹ đẻ sống tại khu 5B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian ly thân, vợ chồng không liên lạc, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau và cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Nay, anh Đoàn Tuấn A xác định không còn tình cảm vợ chồng, không thể tiếp tục chung sống với chị Vi Thị T nữa. Anh Đoàn Tuấn A yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Vi Thị T.

Về con chung: Không có con chung.

Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung và không vay nợ ai.

Bị đơn chị Vi Thị T đã được biết việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án hôn nhân gia đình do anh Đoàn Tuấn A và gia đình chị Vi Thị T thông báo. Tại Biên bản làm việc ngày 07/02/2023, mẹ đẻ chị Vi Thị T là bà Lăng Thị T cung cấp thông tin: Chị Vi Thị T và anh Đoàn Tuấn A kết hôn từ năm 2016, vợ chồng chỉ chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 chị Vi Thị T về sống với vợ chồng bà Lăng Thị Thành tại: Khu 5B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Từ năm 2017 đến nay, vợ chồng chị Vi Thị T và anh Đoàn Tuấn A sống ly thân, không quan tâm, yêu thương nhau nữa. Chị Vi Thị T thông tin lại cho bà Lăng Thị Thành chị đồng ý ly hôn với anh Đoàn Tuấn A vì không còn tình cảm gì nữa. Chị Vi Thị T và anh Đoàn Tuấn A không có con chung. Quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không vay nợ ai. Do bận công việc làm ăn nên chị Vi Thị T không đến Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đoàn Tuấn A được và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị tại tất cả các phiên họp, phiên tòa do Tòa án tổ chức kể từ khi thụ lý cho đến khi kết thúc vụ án.

Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn chị Vi Thị T không tham gia tố tụng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vi Thị T đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 17/10/2016 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Từ năm 2017 đến nay, sống ly thân không ai có hành động gì để hàn gắn tình cảm. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Anh Đoàn Tuấn A xin ly hôn với chị Vi Thị T là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của anh Đoàn Tuấn A được ly hôn với chị Vi Thị T.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Do nguyên đơn anh Đoàn Tuấn A trình bày anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Vi Thị T đã được Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Vi Thị T cư trú tại: Khu 5B, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 17/10/2016. Như vậy, quan hệ hôn nhân của anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai có hành động hàn gắn tình cảm. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của anh Đoàn Tuấn A và chị Vi Thị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của anh Đoàn Tuấn A là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Anh Đoàn Tuấn A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Anh Đoàn Tuấn A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh Đoàn Tuấn A trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đoàn Tuấn A được ly hôn với chị Vi Thị T.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 60/2016, đăng ký ngày 17/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện D, tỉnh Thái Nguyên).

2. Về án phí: Nguyên đơn anh Đoàn Tuấn A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh Đoàn Tuấn A đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0005232 ngày 12/01/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Ủy ban nhân dân xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

